TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 478/2018/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 21 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 436/2018/TLST– HNGĐ ngày 26/4/2018 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" giữa:

Người yêu cầu: Ông Đàm Phi H, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ tạm trú: 1B Đường B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người yêu cầu: Bà Đàm Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình;

Địa chỉ tạm trú: 21 Đường H, khu phố M, phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/10/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đàm Phi H và bà Đàm Thị N (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2009, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/10/2009)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Ông Đàm Phi H và bà Đàm Thị N cùng xác định không có.

- *Tài sản chung*: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: Các đương sự cùng xác định không có.

- *Về lệ phí dân sự sơ thẩm*: 300.000 đồng ông Đàm Phi H và bà Đàm Thị N tự nguyện nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông H, bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0038691 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đàm Phi H và bà Đàm Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Cao Văn Thiên